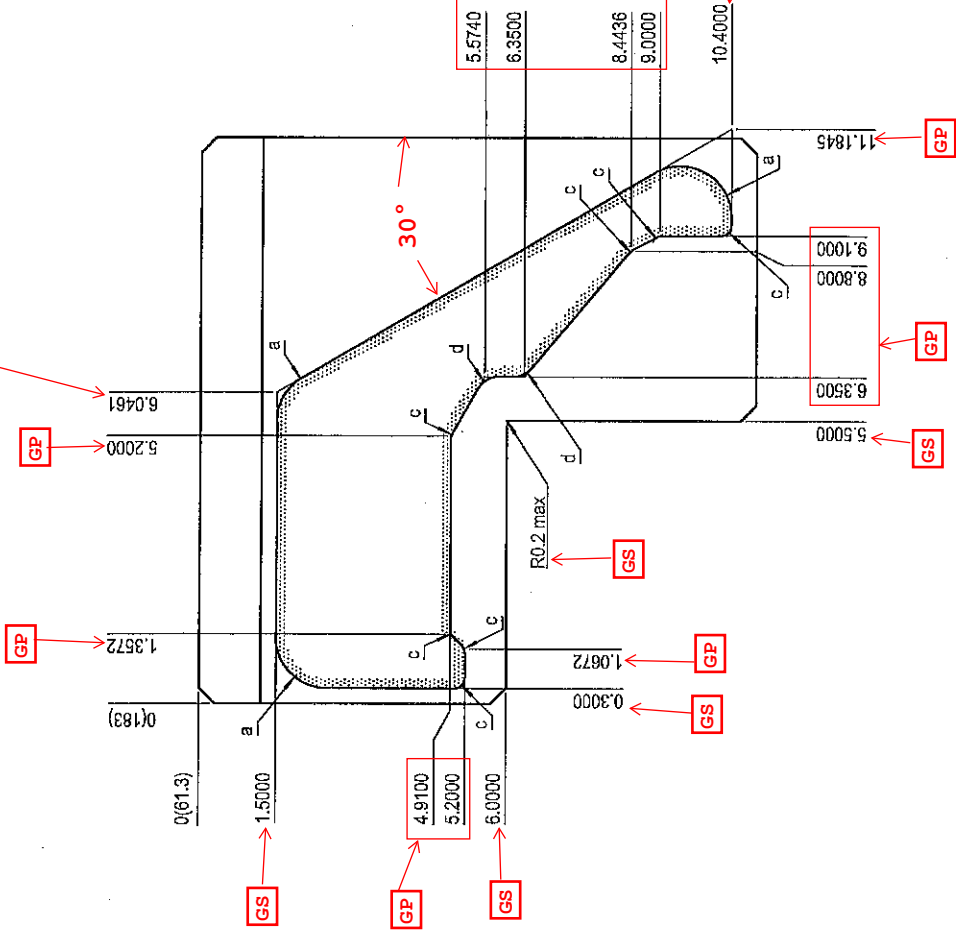


0123

REV	DATE	DESCRIPTION	REF.NG.	DWN.	USGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
Init.	2020/03/26	尺寸20.9上照改善(R17137S-R360432)	T04-19.0058	Chau_Jing_Pu	Chen_Jing_Si	Cheng_Pu_Deng	0.0000	± 0.002
							0.0000	± 0.005
							0.00	± 0.01
							0.0	± 0.1
							0.	± 0.2
							0.0_0.1	± 0.1
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED	
							FINISH MARKS	
							G ▽▽ (∇ ∇)	


EW cắt phôi:T12*11.5*50.0

DETAIL (10:1)



SECRET

ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	WC(D50/HF)		DSGND.	部品図
	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	TRIMMING PUNCH
Chen_Jing_Fu		1:1	部品図	修整冲头
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	部品図	修整冲頭
Chen_Jing_Fu	HRC ~	A3	DATE	DWG.No.
			2020/03/26	R360432

SNO: **R360432**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
	EW:40 GS:250 GP:750 KT